

Bản án số: 292/2025/ HNGĐ -ST

Ngày: 02 – 6 – 2025

“V/v ly hôn giữa
chị L và anh P”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Tác
- Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thái Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Trương Minh Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1992, (có đơn xin vắng mặt).

Nơi thường trú: tổ D, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 034 730 18 12

2. Bị đơn: anh Lê Hoàng P, sinh năm 1987, (vắng mặt).

Nơi thường trú: tổ D, ấp V, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2008 chị và anh Lê Hoàng P tự nguyện kết hôn, năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã T, huyện P, tỉnh An Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2014 Quyển 01/2014 ngày 06/12/2014. **Vợ chồng sống** hạnh phúc tại nhà cha mẹ chồng và cùng đi làm tại tỉnh Bình Dương, đến tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn về sinh hoạt gia đình, không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị bỏ về nhà ông Phạm Văn N (cậu ruột, địa chỉ: tổ D, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh A) sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng ly thân, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh P.

Nuôi con chung: có 02 người con chung tên Lê Hoàng K, sinh ngày 27/9/2009; Lê Thúy A, sinh ngày 01/7/2018, từ khi ly thân đến nay anh P nuôi dưỡng cháu K và cháu A, chị đồng ý giao 02 con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 chị Nguyễn Thị Thúy L có đơn đề **nghị xét** xử vắng mặt.

- Anh Lê Hoàng P (là bị đơn) đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của anh P.

- Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 27/02/2025 của Tòa án, ông Phạm Văn N (cậu ruột của chị Nguyễn Thị Thúy L) cho biết, chồng của L là Lê Hoàng P. Cha mẹ của L đều đã chết, nhà cũng không còn nên L ở chung với ông từ năm 2022 đến nay. Vợ chồng L – P đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, khoảng năm 2022 Loan cho ông biết vợ chồng mâu thuẫn do vợ chồng không phù hợp trong cách sống, không còn quan tâm, bỏ mặc nhau và đã ly thân, nhưng L không nói cụ thể mâu thuẫn và ly thân từ thời gian nào. Từ năm 2022 đến nay P không có đến gặp L để hàn gắn. Vợ chồng L – P có 02 người con chung tên K và A (ông không nhớ đầy đủ họ tên), ông chỉ nghe L nói cả 02 con hiện do anh P đang nuôi dưỡng. Vợ chồng ly thân đã lâu, nay chị L yêu cầu ly hôn với anh P thì ông đề nghị Tòa án cho ly hôn.

- Kết quả xác minh ban ấp V, anh Nguyễn Văn S (T ấp) cho biết, anh Lê Văn P1 có đăng ký thường trú tại ấp V, xã T, huyện P, tỉnh An Giang, vợ chồng, con cái và cha mẹ của anh P1 đều đi làm tại tỉnh Bình Dương, nên anh không biết vợ chồng chị L, anh P1 có mâu thuẫn hay không, từ khoảng năm 2022 anh không thấy chị L cùng anh P1 về quê, anh có thấy anh P1 cùng các con về quê vào dịp tết, anh được biết vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng quy định, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy L đối với anh Lê Hoàng P; nuôi con chung, giao anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Hoàng K, sinh ngày 27/9/2009; Lê Thúy A, sinh ngày 01/7/2018; chia tài sản và nợ chung không có; về án phí, chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Thúy L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoàng P, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh P.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị L và anh P là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, chị L yêu cầu ly hôn anh P do mâu thuẫn gia đình, người thân của chị L cũng cho biết anh chị ly thân đã lâu, đề nghị Tòa án cho ly hôn. Như vậy, chị L và anh P có mâu thuẫn và có thời gian dài ly thân, không hàn gắn, bỏ mặc nhau, hơn nữa từ lúc chị L khởi kiện ly hôn đến nay anh P cũng không hàn gắn tình cảm. Cho thấy hai bên không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị L và anh P.

[2.2] Nuôi con chung: có 02 người con chung tên Lê Hoàng K, sinh ngày 27/9/2009; Lê Thúy A, sinh ngày 01/7/2018. Từ lúc anh chị ly thân đến nay anh P nuôi con ổn định, mặc dù Tòa án không ghi nhận được nguyện vọng của cháu Lê Hoàng K (đã trên 7 tuổi) do cháu không có mặt tại địa phương, nhưng chị L cũng đồng ý giao các con cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao 02 người con là cháu K, cháu A cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, hiện tại anh P đang nuôi dưỡng cháu K và cháu A.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”, nhưng anh P không có yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con nên không đề cập.

[2.4] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chị L không trực tiếp nuôi con, chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết

một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về chia tài sản và nợ chung : chị L khai không có, nên không đề cập.

[3] Về án phí, chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Lê Hoàng P.

2. Nuôi con chung: giao 02 người con chung tên Lê Hoàng K, sinh ngày 27/9/2009; Lê Thúy A, sinh ngày 01/7/2018 cho anh Lê Hoàng P tiếp tục nuôi dưỡng, hiện tại anh P đang nuôi dưỡng cháu K và cháu A.

Chị Nguyễn Thị Thúy L không trực tiếp nuôi con, chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản và nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0011877 ngày 25 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

